

Số: **415** /CNPĐ-TM

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2026

V/v mời cung cấp báo giá Vật tư thay thế vòi đốt phục vụ BDSCĐK năm 2026 - NMNĐ Sông Hậu 1

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí (Chi nhánh) đang có nhu cầu mua sắm vật tư thay thế vòi đốt phục vụ Bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2026 của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 tại ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ. Chi nhánh kính mời các Quý công ty có năng lực kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp vật tư thay thế vòi đốt phục vụ vận hành các Nhà máy công nghiệp quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Danh mục hàng hóa vật tư cần mua sắm như *Phụ lục phạm vi công việc đính kèm*.
 - ✓ Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất. Hàng hóa có đầy đủ CO (nếu là hàng nhập khẩu) và CQ.
 - Tiến độ cung cấp hàng hóa:
 - + Tiến độ giao hàng sớm nhất: Hàng hóa về trước 01 tháng kỳ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ là ngày 20/7/2026.
 - + Tiến độ giao hàng chậm nhất: Hàng hóa về trước 10 ngày kỳ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ là ngày 10/8/2026.
 - Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
 - Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 14h00' ngày 05/03/2026.
 - Địa điểm cung cấp hàng hóa: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
 - ✓ Hình thức nhận báo giá: Các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên, đóng dấu đỏ bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Quý công ty như Phụ lục biểu chào giá đính kèm) qua thư điện tử theo các địa chỉ email: hanhnh@pvpqb.vn, haivdt@pvpqb.vn, nhanbaogia.hn@pvpqb.vn.
 - ✓ Thông tin liên hệ nhận báo giá: Mọi thông tin cần trao đổi, làm rõ xin liên hệ Bà Lương Hồng Hạnh – Phòng Thương mại, Tel: 0915.977.820.
- Chi nhánh cảm ơn sự hợp tác và rất mong nhận được báo giá của Quý công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PGĐ CN (e-copy);
- Lưu: VT, TM (L.H.H).

Đính kèm:

- Phụ lục Phạm vi công việc.
- Phụ lục Biểu chào giá.





PHỤ LỤC PHẠM VI CÔNG VIỆC
(Đính kèm Công văn số **415**/CNPD-TM ngày **03/03/2026**)



Phụ lục phạm vi công việc_SH2026-SCĐK-004: DANH MỤC VẬT TƯ THAY THẾ (VTTT) VỎI ĐÓT

THÔNG TIN MUA SẮM												THÔNG TIN VẬT TƯ HIỆN HỮU TẠI NHÀ MÁY				
STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Order information (Part No)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	STT theo Hệ thống	Mã vật tư	Hệ thống/Thiết bị	Mã KKS	Mã vị trí/Bản vẽ				
	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5				
	Coal Burner	LOW NOx AXIAL SWIRL BURNER		Doosan				2.3.2			PIHHA11AV001 - PIHHA6SAV001					
1	Flame holder			Doosan	Châu Âu/G7/OECD	7	PC	2.3.2.1	53468048			SH1-DH1-POHHA-M-M01-MAN-0002 (Page: 20)				
2	Core Air Tube			Doosan	Châu Âu/G7/OECD	20	PC	2.3.2.2	53276012			SH1-DH1-POHHA-M-M01-MAN-0002 (Page: 20)				
3	Carrier Air Tube Support Ass'y	12T x 150mm x 220mm Material: SUS310		Jungsin	Korea	100	PC	2.3.2.6	53276013			Thông số thực tế				
4	Cove Ring for Carrier Air Tube Support Ass'y	ID20 x OD30 x 210L Material: Ceramic		Jungsin	Korea	100	PC	2.3.2.7	53276019			Thông số thực tế				
5	CA Pipe	6" x 500L (SCH40) Material: A106B		Jungsin	Korea	50	PC	2.3.2.10	53276033			Thông số thực tế				
6	CA Protection Tube	8" x 300L (SCH20) Material: A106B		Jungsin	Korea	50	PC	2.3.2.11	53276034			Thông số thực tế				
7	Oil Gun Guide Pipe	3" x 300L (SCH10) Material: A106B		Jungsin	Korea	50	PC	2.3.2.12	53276028			Thông số thực tế				
8	Igniter Guide Pipe	1-1/4" x 300L (SCH10) Material: A106B		Jungsin	Korea	50	PC	2.3.2.13	53276025			Thông số thực tế				
9	Gasket for Flame Scanner Guide Pipe Flange	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 116(I/D) x 164(O/D) x 3T PCD: 145mm; 8 - Ø10 holes		Tachwa	Korea	100	PC	2.3.2.14	58563009			Thông số thực tế				
10	Gasket for Obs	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 112(I/D) x 150(O/D) x 3T PCD: 126mm; 8 - Ø10 holes		Tachwa	Korea	20	PC	2.3.2.15	58563011			Thông số thực tế				
11	Gasket for Flame Scanner	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 112(I/D) x 150(O/D) x 3T PCD: 126mm; 12 - Ø10 holes		Tachwa	Korea	20	PC	2.3.2.16	58563012			Thông số thực tế				



STT	Tên vật tư/mô tả	Thông số kỹ thuật	Order information (Part No)	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	STT theo Hệ thống	Mã vật tư	Hệ thống/Thiết bị	Mã KKS	Mã vị trí/Bản vẽ
	1	2	3	4	5	6	7	1	2	3	4	5
12	Gasket for PA Front Plate	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 1215(I/D) x 1315(O/D) x 3T PCD: 1265mm; 24 - Ø25 holes		Tachwa	Korea	20	PC	2.3.2.17	58563013			Thông số thực tế
13	Gasket for CA Tube	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 152(I/D) x 250(O/D) x 3T PCD: 220mm; 12 - Ø14 holes		Tachwa	Korea	100	PC	2.3.2.18	58563016			Thông số thực tế
14	Gasket for CA Duct Damper Inlet	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 178(I/D) x 279.4(O/D) x 3T PCD: 241.3mm; 8 - Ø22 holes		Tachwa	Korea	100	PC	2.3.2.19	58563024			Thông số thực tế
15	Gasket for P.F Elbow Flange	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 689(I/D) x 809(O/D) x 3T PCD: 749mm; 24 - Ø25 holes		Tachwa	Korea	100	PC	2.3.2.20	58563025			Thông số thực tế
16	Gasket for CA Protection Sleeve	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 152(I/D) x 300(O/D) x 3T PCD: 260mm; 12 - Ø14 holes		Tachwa	Korea	50	PC	2.3.2.21	58563026			Thông số thực tế
17	Gasket for CA Front Plate	Material: Graphite (JIC 4201-B or EQ) 1910(I/D) x 2030(O/D) x 3T PCD: 1970mm; 24 - Ø24 holes		Tachwa	Korea	10	PC	2.3.2.22	58563027			Thông số thực tế
		DIESEL OIL GUN ATOMIZER ASSY-2B (V-JET)		Doosan				2.3.3		Light Oil Burner System	P1/2HJA	SH1-DH1-P11HB-M-M01-DCA-1003
18	JOINT (GASKET)	1.5T x 27 I/D x 35 O/D Material: C.F + NBR + W.R			Korea	50	PC	2.3.3.1	58560093			No: 4
19	GLAND PACKING	SQ.8 x 16SL Material: GRAPHITE			Korea	200	PC	2.3.3.2	48911121			No: 6
20	JOINT (GASKET)	1.5T x 17 I/D x 32 O/D Material: C.F + NBR + W.R			Korea	50	PC	2.3.3.3	58560101			No: 10
21	O-RING	2.4Tx13.8 I/D (P14) Material: FPPM			Korea	50	PC	2.3.3.4	48591006			No: 12
22	JACKET (GASKET)	2.3W x 2.4T x 29 I/D x 33.6 O/D Material: Copper Jacketed			Korea	50	PC	2.3.3.5	58573071			No: 13

Ghi chú:

Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế (soft part/ spare part, không có kích thước chi tiết, chỉ có mã vị trí lắp đặt) của thiết bị thuộc hệ thống vòi đốt hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.

Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu;

PHỤ LỤC BIỂU CHÀO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 415 /CNPĐ-TM ngày 03/3/2026)

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn giá (trước thuế) VNĐ	Thành tiền (trước thuế) VNĐ
1	Cung cấp vật tư thay thế vòi đốt phục vụ BDSCĐK NMNĐ Sông Hậu 1					
	TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ					
	CÁC LOẠI THUẾ, PHÍ CÓ LIÊN QUAN					
	TỔNG CỘNG SAU THUẾ					

(Bằng chữ: đồng)

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày gửi báo giá.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ký tên, đóng dấu)

